TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1609/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4061/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 8376/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1991; nơi cư trú: 87/18 đường 27, Phường A, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyen Luu , sinh năm 1979; nơi cư trú: 820 Teall Ave S NY 13206 U (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2017 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu Hằng trình bày:

Bà và ông Nguyen Luu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 796, Quyển số 04 ngày 31/3/2014. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng tính cách không hòa hợp, thường xuyên phải sống xa cách dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Từ cuối năm 2015 đến nay bà và ông Nguyen Luu không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bà xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Bùi Thị Thu H yêu cầu ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Nguyen Luu hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu H và ông Nguyen Luu có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do tính cách không hòa hợp, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà H xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo về việc Toà án thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ nhưng ông Nguyen Luu không có văn bản trả lời.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4061/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2018, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 08/10/2018. Quyết định đưa vụ án ra xét xử này đã được thông báo trong văn bản ủy thác tư pháp cho ông Nguyen Luu nhưng ông Nguyen Luu vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định thời hạn mở phiên toà lần thứ hai là ngày 08/11/2018. Đồng thời Bộ Tư pháp cũng đã có văn bản số 1824/BTP-PLQT ngày 06/6/2018 thông báo về việc cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp vào ngày 09/5/2018. Nhưng hôm nay ông Nguyen Luu tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy, bà Hằng và ông Nguyen Luu không hạnh phúc, cả hai thực tế đã không chung sống trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Thu H như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: bà Bùi Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thu Hằng.

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyen Luu . Giấy chứng nhận kết hôn số 796, quyển số 04 ngày 31/3/2014 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0047629 ngày 08/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bà Bùi Thị Thu H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyen Luu được quyền kháng cáo trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp